

TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

PH. ĂNGGHEN VỀ TÔN GIÁO NHỮNG DI SẢN QUÝ GIÁ

NGUYỄN ĐỨC LỮ^(*)

Trong số các vĩ nhân trên thế giới mà tên tuổi của họ đã trở thành bất diệt, phải kể đến C. Mác và Ph. Ăngghen - những người đã xây dựng nên học thuyết về Chủ nghĩa xã hội (CNXH) để chuyển từ CNXH không tưởng thành Chủ nghĩa cộng sản (CNCS) khoa học.

Ph. Ăngghen sinh ngày 28/11/1820 trong một gia đình tư sản ở tỉnh Rênari thuộc nước Phổ và từ trần ngày 5/8/1895. Đoạn tuyệt với giai cấp xuất thân, cùng với C. Mác, ông đã trở thành lãnh tụ của giai cấp công nhân để suốt đời phấn đấu cho lí tưởng cộng sản chủ nghĩa. Kể từ cuộc gặp gỡ lịch sử giữa Mác và Ăngghen ở Pari vào tháng 8/1844 cho đến khi Mác qua đời, tháng 3/1883, là bốn thập niên của “mối tình vĩ đại và cảm động”. Hai ông đã kề vai sát cánh bên nhau cùng đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng giai cấp và nhân loại. Sau hai năm làm việc với sản phẩm chung *Hệ tư tưởng Đức*, hoàn thành vào năm 1846, Mác và Ăngghen đã đặt nền tảng cho quan niệm duy vật về lịch sử, đánh dấu bước ngoặt trong tư tưởng của các ông từ chủ nghĩa dân chủ cách mạng sang lập trường cộng sản chủ nghĩa (CSCN). Tới khi *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời năm

1848, CNCS khoa học bước vào giai đoạn trưởng thành.

Sau khi C. Mác qua đời, Ăngghen và chỉ có ông mới có đủ tài năng, trí tuệ và nhiệt tình cách mạng để tiếp tục hoàn thành sự nghiệp dở dang của Mác một cách xuất sắc. Với đức khiêm nhường vốn có, Ăngghen coi Mác là thiên tài còn tự nhận mình chỉ là người có tài. Nhưng trên thực tế, khó có thể tách rời sự nghiệp của hai ông, dù rằng đó là hai con người.

Trên lĩnh vực tôn giáo, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã có những cống hiến lớn lao cho nhân loại. Hoàn cảnh riêng cũng như quá trình giáo dục của mình khiến Ph. Ăngghen tỏ ra có phần quan tâm đến tôn giáo hơn so với C. Mác. Đóng góp chủ yếu của ông cho bộ môn xã hội học tôn giáo là những công trình phân tích về tương quan giữa biểu hiện tôn giáo với những giai cấp xã hội. Kitô giáo không còn xuất hiện trong tác phẩm của ông với tư cách là bản thể phi lịch sử như Phobách mà như một hình thái ý thức xã hội. Nó biến đổi cùng với quá trình lịch sử nhân loại.

*. PGS.TS., Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Tôn giáo đã xuất hiện từ xa xưa và luôn biến động cùng với sự thăng trầm của lịch sử nhân loại. Song, cho đến nay vẫn chưa có câu trả lời thống nhất về bản chất tôn giáo. Đã có hàng trăm định nghĩa khác nhau về bản chất của tôn giáo.

L. Phobách (1804-1872) giải thích tôn giáo như là sự phản ánh tồn tại của chính bản thân con người. Cho nên, mọi định nghĩa về bản chất Thượng Đế đều là định nghĩa về bản chất con người. Phobách cho rằng, tôn giáo là sùng bái thần tượng con người đã khách quan hóa bản thân, nhưng lại không nhận ra khách thể chính là bản chất con người. Tôn giáo là thái độ của con người đối với chính mình nhưng lại làm như đây là bản chất khác mình, xa lạ, thậm chí đối lập với mình. Cho nên, mọi định nghĩa về bản chất Thượng Đế đều là định nghĩa về bản chất con người.

Quan điểm của Phobách là một bước tiến dài trong quá trình nhận thức tôn giáo, song về con người, ông đã có những hạn chế nhất định. Con người mà ông nói, luôn là con người trừu tượng, không sống trong thế giới hiện thực, một thế giới hình thành và được xác định trong lịch sử.

Về bản chất của tôn giáo được Ph. Ăngghen nêu rõ trong tác phẩm *Chống Duyrinh*: “Nhưng tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo - vào đầu óc của con người - của những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hằng ngày của họ; chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng ở trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu trần thế”.⁽¹⁾

Ở đây, Ăngghen đã giải đáp 3 vấn đề cơ bản: Tôn giáo là gì? Phản ánh cái gì?

Và phản ánh như thế nào? Định nghĩa này của Ăngghen được nhiều người đánh giá cao và coi là một định nghĩa kinh điển thể hiện rõ nhất quan điểm mácxít về bản chất tôn giáo. Định nghĩa này mang tính khái quát dưới góc độ triết học khi nêu lên mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội.

Trong tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức* còn nói rõ thêm: “Hình thức cơ bản của hoạt động ấy đương nhiên là hình thức vật chất, cái hình thức mà mọi hoạt động khác tinh thần, chính trị, tôn giáo... đều phụ thuộc vào đó”⁽²⁾.

Việc xác định nguyên nhân xuất hiện của tôn giáo đã và đang còn nhiều ý kiến khác nhau. Các nhà sáng lập ra học thuyết Mác-Lênin thừa nhận những nguồn gốc mà nhiều nhà nghiên cứu đã nêu trước đó, nhưng tập trung chú ý đến nguồn gốc xã hội của tôn giáo.

Trong *Chống Duyrinh*, Ăngghen nêu rõ nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc xã hội làm nảy sinh nhu cầu của quần chúng về tôn giáo. Ông cho rằng, bên cạnh các lực lượng tự nhiên, còn có những lực lượng xã hội tác động. Những lực lượng này đối lập với con người một cách xa lạ, lúc đầu cũng không thể hiểu được đối với họ, và thống trị họ với cái vẻ tất yếu bề ngoài giống như bản thân lực lượng tự nhiên. Những nhân vật ảo tưởng, lúc đầu chỉ phản ánh những sức mạnh huyền bí của các lực lượng tự nhiên, thì nay lại vì

1. Ph. Ăngghen . *Chống Duyrinh*. Trong: *C. Mác-Ph. Ăngghen toàn tập. Tập 20*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội 1994, tr. 437.

2. *C. Mác-Ph. Ăngghen toàn tập. Tập 3*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội 1995, tr. 102-103.

thế, có cả những thuộc tính xã hội và trở thành những đại biểu cho các lực lượng lịch sử. Đến một giai đoạn tiến hóa cao hơn, toàn bộ những thuộc tính tự nhiên và thuộc tính xã hội của nhiều vị thần được chuyển sang cho một vị thần vạn năng duy nhất, bản thân vị thần này cũng lại chỉ là phản ánh của con người trừu tượng...

Nhưng chúng ta đã nhiều lần thấy rằng, trong xã hội tư sản, con người bị thống trị bởi những quan hệ kinh tế do chính họ tạo ra, bởi những tư liệu sản xuất do chính họ sản xuất ra, như là bởi một lực lượng xa lạ. Do đó, cơ sở thực tế của sự phản ánh có tính chất tôn giáo của hiện thực vẫn tiếp tục tồn tại. Chính sự phản ánh của nó trong tôn giáo cũng tiếp tục tồn tại⁽³⁾.

Ăngghen còn nêu sự lúng túng nảy sinh từ tình trạng hạn chế phổ biến của người ta lúc đó - một khi con người đã thừa nhận sự tồn tại của linh hồn sau khi thân thể chết đi - đã dẫn đến sự tưởng tượng buồn tẻ về sự bất tử của cá nhân con người. Giống như thế, sự nhân cách hóa các lực lượng tự nhiên làm nảy sinh các vị thần đầu tiên.

Dù tôn giáo đã, đang và sẽ tồn tại lâu dài trong xã hội, nhưng Ăngghen không cho nó là phạm trù vĩnh hằng mà chỉ là một phạm trù lịch sử. Con người sáng tạo ra tôn giáo, nhưng không phải tôn giáo xuất hiện cùng với con người mà phải qua quá trình lịch sử lâu dài, khi khả năng tư duy hóa, trừu tượng hóa của con người đạt tới một mức độ nhất định, khi trình độ sản xuất đạt đến một mức nào đó thì tôn giáo mới xuất hiện.

Có thể đến một giai đoạn lịch sử nào đó, như Ph. Ăngghen đã dự báo, khi con người không chỉ mưu sự mà còn định đoạt cho thành sự thì khi đó, cái sức mạnh xa lạ cuối cùng hiện vẫn đang phản ánh có tính chất tôn giáo sẽ mất đi, và cùng với nó, bản thân sự phản ánh có tính chất tôn giáo sẽ mất đi, vì khi đó sẽ không còn gì để phản ánh nữa.

Rất tiếc, có người chưa hiểu hết ý của Ăngghen về tính lịch sử của tôn giáo. Dù ông không coi tôn giáo sẽ tồn tại vĩnh viễn, nhưng cũng không cho rằng nó sẽ sớm mất đi. Điều này được Ăngghen giải thích: "Chúng ta thấy rằng tôn giáo, một khi đã hình thành, luôn luôn chứa đựng một chất liệu truyền thống, cũng như trong tất cả các lĩnh vực tư tưởng, truyền thống là một *lực lượng bảo thủ lớn*. Song những sự biến đổi xảy ra trong chất liệu đó, đều nảy sinh ra từ những quan hệ giai cấp, do đó từ những quan hệ kinh tế giữa những người gây ra những sự biến đổi ấy"⁽⁴⁾.

Tôn giáo là một hiện tượng xã hội mang tính lịch sử. Sự ra đời, tồn tại, và mất đi của tôn giáo là do trình độ phát triển kinh tế, khoa học, văn hóa, xã hội... quy định chứ không thể từ ý muốn chủ quan của con người. Ngày càng rõ sự tiêu vong của tôn giáo mà các nhà sáng lập ra học thuyết Mác-Lênin đề cập là ở "giai đoạn cao của CNCS cùng với sự tiêu vong cơ sở xã hội của nó và thực tế lịch sử chứng minh, xã hội XHCN sẽ là

3. C. Mác-Ph. Ăngghen toàn tập. Tập 20. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội 1995, tr. 437-438.

4. C. Mác-Ph. Ăngghen toàn tập. Tập 21. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội 1995, tr. 449.

quá trình lịch sử tương đối lâu dài và tôn giáo với tư cách là một hình thái ý thức xã hội phản ánh tồn tại xã hội cũng sẽ tồn tại lâu dài trong CNXH⁽⁵⁾. Có 3 lí do cơ bản cho sự tồn tại của tôn giáo trong CNXH.

Một là, những lực lượng xã hội khác biệt vẫn chưa hoàn toàn bị thủ tiêu.

Hai là, tính khác biệt của lực lượng tự nhiên chưa hoàn toàn mất đi.

Ba là, dư âm của tín ngưỡng truyền thống và ảnh hưởng của tôn giáo ngoại lai.

Đó là những điều mà Ăngghen đã từng phân tích trong các tác phẩm nghiên cứu tôn giáo của mình.

Ăngghen phê phán gay gắt đối với những phần tử tả khuynh vô chính phủ là những kẻ muốn tỏ ra “tả hơn”, “cách mạng hơn” những người dân chủ-xã hội khi muốn ghi vào cương lĩnh của Đảng Công nhân việc công khai thừa nhận chủ nghĩa vô thần theo nghĩa tuyên chiến với tôn giáo. Năm 1874, Ăngghen đã từng phê phán tuyên ngôn của phái Blăngki và cho rằng: “Lời tuyên chiến âm ỉ của họ với tôn giáo là đại dột... Tuyên chiến như thế là một phương pháp tốt nhất làm kích động thêm sự quan tâm của người ta đối với tôn giáo, và cho tôn giáo đi đến tiêu vong thực sự một cách khó khăn hơn”.

Đến năm 1877, trong *Chống Duyrinh*, Ăngghen cũng phê phán gay gắt Duyrinh khi ông ta có chủ trương cấm tôn giáo trong xã hội XHCN: “Tuyên chiến với tôn giáo như vậy là tỏ ra Bixmác hơn cả bản thân Bixmác... Đáng lẽ phải đặt những sự phân chia về mặt chính trị lên hàng đầu, thì Bixmác đã đặt những sự phân chia về mặt tôn giáo lên hàng đầu”⁽⁶⁾. Duyrinh đã tái phạm chính sự đại dột đó

của Bixmác dưới một hình thức khác. Ăngghen đòi hỏi Đảng Công nhân phải ra sức kiên trì tiến hành công tác tổ chức và giáo dục giai cấp vô sản, công tác đó sẽ đưa tôn giáo đến chỗ tiêu vong, chứ không phải lao vào cuộc đấu tranh chính trị chống tôn giáo.

Như vậy, Ăngghen đã phê phán hai khuynh hướng giải quyết vấn đề tôn giáo đã diễn ra trong lịch sử của phong trào công nhân quốc tế:

Một là, coi công tác tuyên truyền chủ nghĩa vô thần và thế giới quan duy vật là chủ yếu thậm chí duy nhất.

Hai là, những người chủ trương đưa cuộc đấu tranh tôn giáo lên trên cuộc đấu tranh chính trị, đấu tranh giai cấp.

Từ sự phê phán ấy, Mác cùng Ăngghen đã đưa ra nguyên tắc mácxít mà về sau Lênin đánh giá: “Sách lược của chủ nghĩa Mác đối với tôn giáo là một sách lược vô cùng triệt để và đã được Mác và Ăngghen suy nghĩ rất chín chắn... Đường lối chính trị của chủ nghĩa Mác cũng gắn chặt với những nguyên lí triết học của nó”⁽⁷⁾. Đó là phê phán thượng giới biến thành phê phán cõi trần, phê phán tôn giáo biến thành phê phán pháp quyền, phê phán thần học biến thành phê phán chính trị.

Cũng như Mác, Ăngghen đánh giá một cách khách quan vai trò của tôn giáo trong đời sống xã hội. Ông hiểu rất rõ tính hai mặt của hiện tượng tôn giáo:

5. Lã Cát Lợi. *Tôn giáo với CNXH*, trích trong: *Tôn giáo học thông luận*. Nxb KHXH. Trung Quốc 1999, tr. 27-28.

6. *Lênin toàn tập. Tập 7*. Nxb Tiến Bộ. M., 1979, tr. 511.

7. *Lênin toàn tập. Tập 7*. Nxb Tiến Bộ. M., 1979, tr. 514.

Mặt thứ nhất là vai trò của tôn giáo trong việc hợp thức hóa trật tự xã hội đã được thiết lập cũng như những hoàn cảnh xã hội dành cho nó.

Mặt thứ hai là vai trò phê phán, phản bác và thậm chí cách mạng của tôn giáo. Chính khía cạnh thứ hai này mới là trung tâm phần lớn những công trình nghiên cứu cụ thể của Ph. Ăngghen.

Quả vậy, trước hết Ph. Ăngghen chú ý đến *Kitô giáo nguyên thủy*, tôn giáo của những người nghèo khổ bị hành hạ, đọa đày và đàn áp.

Nhiều lần, Ăngghen đã trở lại nghiên cứu lịch sử Kitô giáo nguyên thủy. Năm 1892, ông cho rằng, phong trào này đã chiếm mộ phần lớn những người tham gia đầu tiên của mình từ số những người nô lệ của Đế quốc La Mã. Vài năm sau, những năm cuối đời, trong bài *Đóng góp vào lịch sử của Kitô giáo nguyên thủy* (1894-1895), ông đưa ra một sự phân tích xã hội cụ thể, tinh tế hơn về những tín đồ Kitô giáo đầu tiên: vừa là người tự do bị phế truất của đô thị, những người được giải phóng nhưng mất hết mọi quyền hạn, vừa là những người tiểu nông chông chất nợ nần và những người nô lệ. Vì không hề có con đường chung để giải phóng nhiều thành phần khác nhau như vậy, nên chỉ có tôn giáo là có thể đem lại cho họ một triển vọng chung, một giấc mơ và hoài bão chung về sự "giải phóng".

Sự quan tâm của Ăngghen đối với Kitô giáo nguyên thủy không thuần túy mang tính hoài cổ mà sự quan tâm đó còn chứa đựng hai nhận định chính trị quan trọng và có tính thời sự bởi:

Một mặt, kí ức về Kitô giáo buổi ban đầu vẫn hiện diện trong tất cả các phong trào quần chúng và cách mạng đương thời. Từ những người dị giáo thời Trung cổ cho đến CNCS công nhân của thế kỉ XIX, cũng như những người theo Jean Huss - một nhà cải cách thời Trung cổ của Séc chống lại chính sách đàn áp của hoàng tộc - cho đến cuộc chiến tranh nông dân Đức.

Ngay sau năm 1830, Kitô giáo nguyên thủy vẫn tiếp tục khơi nguồn cho những người cộng sản công nhân đầu tiên và những người cộng sản Pháp.

Mặt khác, Ăngghen nhận thấy một hiện tượng tương đồng giữa Kitô giáo nguyên thủy và CNXH hiện đại: trong cả hai trường hợp đó đều là những phong trào của quần chúng bị áp bức, gồm những người bị các chính quyền truy nã và đưa đi lưu đày, họ tuyên truyền một công cuộc giải phóng tức thời khỏi chế độ nô lệ và khỏi sự thống khổ. Sự khác biệt cơ bản giữa hai phong trào này là ở chỗ: những người Kitô giáo hướng công cuộc giải phóng cho con người ở thế giới "bên kia", còn những đại biểu của CNXH lại chủ trương giải phóng con người thoát khỏi nô lệ ngay thế giới hiện hữu.

Nhưng sự khác biệt này đã mờ dần khi xuất hiện *Tân giáo* mà không ít giáo sĩ bảo thủ gọi cái tên miệt thị là *đạo Thệ phán*. Trong công trình phân tích về phong trào Kitô giáo thứ hai của Ăngghen về *Cuộc chiến tranh nông dân ở Đức* thì sự khác biệt này dường như không còn rõ ràng. Muiytxơ, nhà thần học và nhà lãnh đạo những người nông dân cách mạng và những người bình dân

dị giáo của thế kỉ XVI mong muốn thiết lập “Vương quốc của Thượng Đế”, cái “Vương quốc ngàn năm của Chúa” ở ngay trên trái đất này. Theo Ăngghen, vương quốc ấy đối với Muynxtơ là một xã hội không có khác biệt giai cấp, không có sở hữu tư nhân và không có quyền lực của nhà nước đối lập hay xa lạ với mọi thành viên của xã hội. Chính vì lí tưởng ấy mà Muynxtơ được đánh giá là đại biểu của phong trào XHCN trước Mác. Ph. Ăngghen đánh giá: "Chỉ ở Muynxtơ những tia tư tưởng cộng sản mới lần đầu trở thành những biểu hiện của những khát vọng của bộ phận hiện thực trong xã hội, chỉ ở ông ta lần đầu tiên chúng mới được diễn đạt rõ rệt tới một mức độ nhất định và bắt đầu từ ông ta chúng ta lại thấy chúng trong mỗi cuộc nổi dậy của nhân dân, cho đến lúc chúng dần dần hòa làm một với phong trào vô sản hiện đại; cũng giống như trong thời Trung cổ, cuộc đấu tranh của nhân dân tự do chống sự thống trị của phong kiến đang ngày càng ràng buộc họ, hòa làm một với những cuộc đấu tranh của nông nô và nông dân phụ thuộc để thủ tiêu hoàn toàn ách thống trị phong kiến"⁽⁸⁾. Không phải ngẫu nhiên mà Ăngghen lại đánh giá Muynxtơ như một lãnh tụ lỗi lạc của cuộc khởi nghĩa nông dân năm 1525. Và cũng theo lời của Ăngghen, Muynxtơ đã trở thành nhà tiên tri của cách mạng. *Phong trào cải cách tôn giáo đã đánh một đòn mãnh liệt vào Giáo hội Rôma, cũng chính là đánh vào chế độ phong kiến.*

Xem xét vai trò của tôn giáo là vấn đề phức tạp phải có quan điểm lịch sử cụ thể. Chúng ta không nên bỏ qua sự kiện Cách mạng tư sản Pháp năm 1789, cuộc cách mạng tư sản điển hình nhất. Cuộc cách mạng này đã xuất hiện từ một cuộc đại hội có ba thành phần: quý tộc, giáo sĩ và bình dân, trong đó giáo sĩ giữ vai trò quyết định. Ăngghen đã từng nhấn mạnh vai trò tiến bộ của Công giáo, Tin Lành ở một giai đoạn lịch sử nhất định.

Bằng sự phân tích những hiện tượng tôn giáo dưới ánh sáng của học thuyết đấu tranh giai cấp, Ăngghen đã phát hiện ra *tiềm lực phản kháng* của tôn giáo (Mác cũng đã nêu trong *Phê phán triết học pháp quyền của Hêghen - Lời nói đầu*) và mở đường cho cách tiếp cận mới về mối tương quan giữa tôn giáo với xã hội. Cách tiếp cận này của ông vừa phân biệt với cách tiếp cận của Triết học ánh sáng, lại vừa phân biệt với cách tiếp cận của phái Hêghen trẻ ở Đức.

Ph. Ăngghen là một trong số những người sáng lập ra chủ nghĩa Mác-Lênin. Ông đã để lại cho hậu thế một khối lượng tri thức khổng lồ, trong đó có di sản về tôn giáo. Những tư tưởng quý báu của ông về tôn giáo vẫn là một trong những cơ sở khoa học cho việc nghiên cứu, hoạch định chính sách và giải quyết tôn giáo ở nước ta./.

8. *Lịch sử các học thuyết chính trị trên thế giới*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội 1993, tr. 21.